

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 59 /2020/HSST

Ngày: 30/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quốc và ông Nguyễn Đình Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2020/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2020; Đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn D, sinh năm: 1986; HKTT: Thôn LB, xã Ph Gi, huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc; Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Lê Văn Th, sinh năm 1956 và bà Lê Thị C, sinh năm 1962; HKTT: Thôn L B, xã Ph Gi, huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa; Bị cáo có vợ tên: Lý Phượng Qu, sinh năm: 1995(không có đăng ký kết hôn). HKTT: Thôn 1, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước có 01 con sinh năm 2016; Có 03 anh chị em lớn nhất sinh năm: 1982, nhỏ nhất sinh năm: 1993;

Tiền án: Ngày 16/4/2019 bị tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Ngày 12/9/2019, bị Công an huyện B Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản” . Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Về nhân thân: Ngày 30/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/5/2010;

Ngày 24/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 28/5/2012 Tòa

án nhân dân huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/9/2013.

Bị hại: Ông Phạm Văn Th1, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước - (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lý Phụng Qu, sinh năm: 1995;
Địa chỉ: Thôn 1, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Mạnh T; Sinh năm: 1969; HKTT: Phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước - (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Ngọc L; Sinh năm: 1990; HKTT: Ấp T Ph, xã Ph Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/6/2020, Lê Văn D điều khiển xe mô tô hiệu Lifan, biển số 93P1-825.67, màu nâu đi đến khu vực Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện B Đ thì phát hiện nhà đang xây (chưa hoàn thiện) của ông Nguyễn Ngọc L không có người trông coi, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. D dựng xe mô tô ngoài đường rồi đi bộ vào trong nhà, đi đến khu vực phía sau nhà thì phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F11, màu đen của ông Phạm Văn Th1 (là công nhân xây nhà) để trên giường, D lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài đường. Khi D ra đến chỗ để xe mô tô 93P1-825.67 thì bị ông L phát hiện, D bỏ lại xe mô tô, chạy khoảng 20m thì bị ông L, ông Hoàng Văn Bình, ông Nguyễn Mạnh T đuổi kịp, bắt giữ và báo Công an huyện B Đ lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F11, màu đen; 01 xe mô tô hiệu Lifan, biển số 93P1- 82567 màu nâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/2020/BKL - ĐGTS ngày 29/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F11, chất lượng sử dụng 70% là 3.843.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn)..

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F11 đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn Th1.

Cáo trạng số: 57/Ctr-VKS ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- *Về tội danh và mức hình phạt:* Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản

1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám tháng tù.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông Phạm Văn Th1 đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu LiFan, biển số 93F1-825.67, quá trình Điều tra xác định là tài sản của chị Lý Phượng Qu, chị Qu không biết việc D sử dụng xe mô tô để trộm cắp tài sản nên cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Qu.

Bị cáo không tham gia tranh luận đối với bản luận tội của kiểm sát viên và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Là đối tượng nghiện ma túy muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động Lê Văn D lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/6/2020 đã có hành vi lén lút vào nhà xây chưa hoàn thiện của ông Nguyễn Ngọc L chiếm đoạt 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F11, màu đen của ông Phạm Văn Th1 là công nhân xây nhà cho ông L, giá trị 3.843.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng), theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ số: 57/2020/BKL-ĐGTS ngày 29/6/2020.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng 57/Ctr-VKS ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ và bản luận tội của kiểm sát viên đối với bị cáo là đúng hành vi, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân phục vụ cho lợi ích cá nhân của mình một cách nhanh chóng mà không phải bỏ sức lao động, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần

xử phạt bị cáo với mức án tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; HĐXX cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu:

Ngày 30/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/5/2010;

Ngày 24/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 28/5/2012 Tòa án nhân dân huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/9/2013.

Hành vi trên không xem là căn cứ tính tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhưng cho thấy bị cáo là người thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt. Mức hình phạt trước đây chưa đủ sức răn đe bị cáo nên cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Văn Th1 đã nhận lại tài sản bị mất và bị hại không có yêu cầu gì. HĐXX không xét.

[8] Về vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu LiFan, biển số 93F1-825.67, quá trình Điều tra xác định là tài sản của chị Lý Phượng Qu, chị Qu không biết việc D sử dụng xe mô tô để trộm cắp tài sản nên cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Qu là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX; HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Văn D 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 26/6/2020).

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

[3]. Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Công an huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lâm Thị Chức